

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1088/2019/HC-ST

Ngày: 04/9/2019

V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính và hành vi hành chính về
án định thuế đối với hàng hóa
nhập khẩu, xuất khẩu”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Hương

2. Ông Phạm Văn Hề

*- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Hà – Thư ký Tòa án nhân dân Thành
phố Hồ Chí Minh*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia
phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương - Kiểm sát viên.*

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố
Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
85/2018/HCST ngày 15 tháng 03 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định
hành chính và hành vi hành chính về án định thuế đối với hàng hóa xuất khẩu,
nhập khẩu”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3261/2019/QĐXXST-HC ngày
22/7/2019 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6273/2019/QĐST-HC ngày
12/8/2019, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty Trách nhiệm hữu hạn N.

Địa chỉ: Số 162 Huỳnh Văn Bánh, Phường 12, Quận N, Thành phố Hồ
Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Vũ Xuân H, sinh
năm 1977;*

Địa chỉ: Số 224A Xóm Chiêu, Phường 15, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 16/10/2017).

2. Người bị kiện: Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S – Cục Hải quan Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 02 Lê Phụng Hiểu, phường Cát Lái, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1965, Chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S.

(Giấy ủy quyền số 4554/GUQ-KV1 ngày 03/7/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Đức L1, chức vụ : Công chức - Đội thủ tục hàng hóa nhập khẩu - Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, mã số doanh nghiệp 0313983774 đăng ký lần đầu vào ngày 26/8/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn N có trụ sở chính đặt tại 162 Huỳnh Văn Bánh, Phường 12, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật là bà Phạm Thị Thúy H2.

Ngày 13/7/2017, Công ty Trách nhiệm hữu hạn N (Công ty) làm thủ tục nhập khẩu lô hàng là valy từ nước xuất khẩu Thái Lan, theo Tờ khai hải quan số 101505495340/A11/02CI (gọi Tờ khai 5340) tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S(gọi Chi cục). Tại thời điểm mở Tờ khai 5340, nhà xuất khẩu chậm cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O mẫu D) và Công ty cần phải giải phóng lô hàng nên đã làm công văn đề ngày 13/7/2017 với nội dung cam kết bổ sung C/O mẫu D trong vòng 30 ngày kể từ ngày mở Tờ khai 5340 để được hưởng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ Hiệp định ATIGA. Tuy nhiên, đến ngày 18/8/2017 cơ quan có thẩm quyền tại nước xuất khẩu mới cấp C/O mẫu D.

Ngày 29/8/2017, Công ty có liên hệ Chi cục đề xuất trình C/O mẫu D và không được chấp nhận vì quá 30 ngày. Ngày 06/10/2017, Công ty gửi Đơn khiếu nại số 0313983774 ngày 28/9/2017 đến Chi cục.

Ngày 19/10/2017, Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S (gọi Chi cục trưởng) ban hành Công văn số 10636/ KVI-ĐHHN (gọi Công văn 10636) gửi Công ty để thông báo việc nộp bổ sung C/O form D quá 30 ngày

theo Tờ khai hải quan số 101505495340/A11/02CI ngày 13/7/2017 của Chi cục. Không đồng ý với Công văn 10636, Công ty thực hiện việc khởi kiện tại Tòa án.

** Tại Đơn khởi kiện ngày 04/12/2017 và Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 03/7/2019, người khởi kiện Công ty Trách nhiệm hữu hạn N có ông Vũ Xuân H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Việc Công ty cung cấp C/O mẫu D quá 30 ngày là do khách quan, theo quy định tại Điều 14 Phụ lục 8 Hiệp định ATIGA; Phụ lục VII ban hành kèm Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 của Bộ Công thương; điểm a Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 38/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính; Khoản 1 Điều 6 Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và Khoản 1 Điều 5 Luật Hải quan, dù Công ty chưa nộp được C/O mẫu D tại thời điểm nộp bộ hồ sơ hải quan thì vẫn được xuất trình C/O mẫu D sau 30 ngày nếu C/O mẫu D còn hiệu lực.

Chi cục trưởng căn cứ Điều 21, Điều 24, Điều 25 Luật Hải quan; Điều 13 Nghị định số 19/2006/NĐ-CP; Điều 16, Điều 26 Thông tư 38/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính; Công văn 12802/BTC-TCHQ ngày 14/9/2016 và Công văn 13959/BTC-TCHQ ngày 04/10/2016 để ban hành Công văn 10636 là trái pháp luật Hải quan và Hiệp định ATIGA bởi các quy định này không quy định thời hạn nộp C/O là 30 ngày, các công văn của Bộ Tài chính không phải là văn bản quy phạm pháp luật.

Do đó, Công ty yêu cầu hủy Công văn 10636 và buộc Chi cục trưởng phải chấp nhận C/O mẫu D quá 30 ngày của Công ty đối với lô hàng theo Tờ khai 5340 để được hưởng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ Hiệp định ATIGA là 0%.

** Tại Văn bản số 4834/KVI-ĐHHN ngày 03/4/2018, người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục hải quan của khẩu Cảng S có ý kiến như sau:*

Ngày 06/10/2017, Chi cục nhận Công văn số 0313983774 ngày 28/9/2017 của Công ty về việc bổ sung C/O mẫu D. Chi cục nhận thấy Công ty không đủ điều kiện được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định ATIGA vì bổ sung C/O mẫu D quá 30 ngày. Vì vậy, Chi cục trưởng đã ban hành Công văn 10636. Khi có Công văn 10636 trả lời cho Công ty, Chi cục trưởng chưa nhận được hồ sơ giải quyết khiếu nại nên chưa thực hiện việc giải quyết khiếu nại theo yêu cầu của Công ty.

Căn cứ Điều 21, Điều 24, Điều 25 Luật Hải quan năm 2014; Điều 13 Nghị định 19/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa, về thời điểm nộp C/O; Căn cứ Điều 16, Điều 20 và Điều 26 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài

chính; Công văn 12802 ngày 14/9/2016 của Bộ Tài chính; Công văn 13959 ngày 04/10/2016 của Bộ Tài chính. Trường hợp bổ sung C/O mẫu D của Công ty đã quá 30 kể từ ngày đăng ký Tờ khai 5340, Công ty không được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định ATIGA.

Tại phiên tòa:

- *Người khởi kiện Công ty TNHH N có ông Vũ Xuân H đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Công ty nộp C/O mẫu D đã quá 30 ngày. Tuy nhiên, theo quy định của các Thông tư, các Nghị định liên quan đến biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; việc nộp hồ sơ hải quan; việc nộp chứng từ xuất xứ hàng hóa nhập đều không quy định việc phải nộp C/O mẫu D trong vòng 30 ngày. Tại Điều 14 Phụ lục VII ban hành kèm Thông tư 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương (Thông tư 22) quy định thời hạn nộp C/O khi C/O có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày cấp. Cơ quan có thẩm quyền Thái Lan cấp C/O ngày 18/8/2017, tính đến ngày Công ty nộp bổ sung để được hưởng thuế ưu đãi đặc biệt vẫn còn hiệu lực. Từ cơ sở này đề nghị hủy bỏ Công văn 10636 và buộc Chi cục trưởng phải công nhận C/O mẫu D quá 30 ngày để Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt.

- *Đại diện người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S có yêu cầu vắng mặt.*

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Căn cứ Khoản 3 Điều 27 Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ (Nghị định 08) quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan; Điều 16, Điều 26 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ tài chính (Thông tư 38); Điều 13 Phụ lục VII ban hành kèm Thông tư 22; Luật quản lý thuế; Luật Hải quan; Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Chi cục trưởng ban hành Công văn 10636 về việc nộp C/O mẫu D quá 30 ngày của Công ty là đúng quy định, đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của Công ty.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:*

* Về tố tụng: Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của thủ tục tố tụng.

* Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, yêu cầu của Công ty không có cơ sở. Đề nghị: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Tại Đơn yêu cầu vắng mặt ngày 03/7/2019 đại diện người bị kiện Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S, bà Phạm Thị L có yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ Khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đại diện người bị kiện.

[1.2] Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 04/12/2017, Công ty có Đơn khởi kiện yêu cầu hủy Công văn 10636 Chi cục trưởng ban hành vào ngày 19/10/2017 và công nhận C/O mẫu D quá 30 ngày. Đây là quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực ấn định thuế được áp dụng đối với Công ty TNHH N. Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3; Khoản 1 Điều 7; Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31; điểm a Khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, thì Công văn 10636; yêu cầu khởi kiện trên của Công ty còn trong thời hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của người khởi kiện:

[2.1] Theo Tờ khai 5340 thì Công ty có thực hiện việc nhập khẩu lô hàng Valy các loại, mã HS: 4202.12.99, số vận tải đơn CAT170364/0717-J; ngày đến 12/7/2017, số lượng 1,110 carton/16,345.55 kgs, tổng trị giá hóa đơn USD 67,624.50, thuế nhập khẩu đã nộp (MFN) 394.469.891 đồng, xuất xứ Thái Lan. Tại thời điểm mở tờ khai này Công ty chưa cung cấp chứng từ gốc là C/O mẫu D để được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định ATIGA, tại Công văn ngày 13/7/2017, Công ty có cam kết bổ sung chứng từ này trong thời gian 30 ngày kể từ ngày mở Tờ khai 5340.

[2.2] Nghị định số 129/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016-2018. Tại Khoản 2 Điều 4 quy định *“Hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất ATIGA phải đáp ứng đủ các điều kiện: Được nhập khẩu vào Việt Nam từ các nước là thành viên của Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN, bao gồm các nước...Vương quốc Thái Lan...* Khoản 4 Điều 4 quy định: *Đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa trong*

Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN, có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) mẫu D do Bộ Công thương quy định. Theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 16 Thông tư 38 của Bộ Tài chính quy định “Hồ sơ hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu bao gồm ...chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa 01 bản chính...”. Tại Điều 13 Phụ lục VII ban hành kèm Thông tư 22 quy định việc nộp C/O như sau: Để được hưởng ưu đãi thuế quan, tại thời điểm làm thủ tục nhập khẩu, Người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan Hải quan nước nhập khẩu tờ khai, C/O mẫu D, kèm các chứng từ chứng minh... Căn cứ vào các quy định này tại thời điểm mở Tờ khai 5340, Công ty phải nộp C/O mẫu D đối với lô hàng mã HS: 4202.12.99, đến ngày 18/8/2017 cơ quan có thẩm quyền của nước Thái Lan mới cấp C/O mẫu D. Như vậy, tại thời điểm mở Tờ khai 5340 lô hàng trên chưa được cấp C/O mẫu D. Mặc dù, trong các Thông tư và Nghị định không quy định thời hạn nộp C/O mẫu D trong 30 ngày, Chi cục trưởng vẫn xem xét Công văn ngày 13/7/2017 và gia hạn thời gian cho Công ty, tạo điều kiện cho Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt.

Công ty căn cứ vào Điều 14 Phụ VII ban hành kèm theo Thông tư 22 để cho rằng C/O mẫu D đến ngày Công ty nộp bổ sung vẫn còn hiệu lực. Trong Công văn 10636, Chi cục trưởng khẳng định trường hợp bổ sung C/O mẫu D của Công ty quá 30 ngày kể từ ngày đăng ký Tờ khai 5340 nên không được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt theo Hiệp định ATIGA, không nêu việc hết thời hạn hiệu lực của C/O. Do đó, không chấp nhận lời trình bày này của đại diện Công ty. Công văn 10636, Chi cục Trưởng ban hành đúng quy định.

[2.3] Đối với yêu cầu công nhận C/O mẫu D của lô hàng mã HS 4202.12.99 theo Tờ khai 5340 để Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt. Như đã nhận định ở trên không có cơ sở để chấp nhận.

Xét, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Công ty phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 7, Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, điểm a Khoản 2 Điều 116, điểm b Khoản 2 Điều 157 và Khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật Hải quan năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 129/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN giai đoạn 2016-2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 22/2016/TT-BCT ngày 03/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc thực hiện quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN;

Căn cứ Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N về yêu cầu hủy Công văn số 10636/QĐ-KV1/AĐT-HHN ngày 19/10/2017 của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng S về việc thông báo nộp bổ sung C/O mẫu D quá 30 ngày đối với lô hàng có mã HS 4202.12.99 thuộc Tờ khai hải quan số 101505495340/A11/02CI ngày 13/7/2017 và yêu cầu công nhận C/O mẫu D quá 30 ngày của lô hàng theo Tờ khai trên để được hưởng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt trong khuôn khổ Hiệp định ATIGA là 0%.

2. Về án phí:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn N phải chịu án phí hành chính sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nH được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AE/2014/0008720 ngày 12/12/2017 của Chi Cục Thi hành án dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận H;
- Các đương sự;
- L1 VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Kim Phụng